

Bản án số: 13/2022/DS-PT.

Ngày: 24/01/2022

V/v: “*Tranh chấp QSDĐ; yêu cầu  
chấm dứt Hợp đồng thuê khoán  
QSDĐ*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Minh Hiền.

***Các thẩm phán:*** Bà Nguyễn Thị Hương Giang;  
Ông Đặng Văn Quyết.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:*** Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLPT-DS ngày 10/11/2021 về việc: “*Tranh chấp QSDĐ; yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thuê khoán QSDĐ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS –ST ngày 06/9/2021 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2021/QĐ-PT ngày 15/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

**Nguyên đơn:** Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y, (Công ty Lâm nghiệp).

Trụ sở: Phố Đề N, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N –PGĐ Công ty, (có mặt).

**Đồng Bị đơn:** Ông Triệu Ngọc T, sinh năm 1959, (có đơn xin vắng mặt);

Anh Triệu Ngọc L, sinh năm 1985, (vắng mặt ).

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nông Thị H, sinh năm 1965, (vợ ông T, vắng mặt );

2. Chị Đỗ Thị G, sinh năm 1991, (vợ anh L, vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Ch - Công chức Tư pháp, (có đơn xin vắng mặt)

4. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q - Phó trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường, (có đơn xin vắng mặt);

5. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn X, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y (Công ty trình bày):** Từ năm 1963 cho đến nay Công ty đã trải qua các thời kỳ từ Lâm trường Hoàng Hoa Th, Lâm trường Y, Công ty Lâm nghiệp Y, đến nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y đã được UBND tỉnh giao quản lý sử dụng liên tục và hiệu quả 447,98 ha đất lâm nghiệp tại khu vực Đội sản xuất lâm nghiệp T.

Nhưng hiện nay 02 lô đất là lô g1 và g2 thuộc khoảnh 8 có tổng diện tích 3 ha (theo Hồ sơ thiết kế trồng rừng 2017) thuộc Đội sản xuất lâm nghiệp xã T đã bị ông Triệu Ngọc T trồng cây chiếm đất trái phép.

Quá trình sử dụng phần đất tranh chấp: Trước năm 1995, Lâm trường trồng rừng thông, sau khi khai thác thông thì chuyển sang trồng rừng theo Dự án 327/661. Từ năm 1995- 1996, Lâm trường và ông Lăng Văn B đã giao kết 03 Hợp đồng khoán bảo vệ rừng cụ thể là: Năm 1995, Hợp đồng bảo vệ số 65/HĐK lô c, khoảnh 2, (nay là khoảnh 8); Năm 1996, Hợp đồng bảo vệ số 12/133/HĐK lô d, khoảnh 2; Năm 1997 Hợp đồng bảo vệ số 02/97-10/HĐK lô đ, khoảnh 2.

Ngày 10/01/2011, ông B làm đơn đề nghị Công ty chuyển quyền bảo vệ rừng phòng hộ cho ông Triệu Ngọc T.

Ngày 21/9/2012, Công ty; ông Lăng Văn B; anh Triệu Ngọc L lập Biên bản làm việc có nội dung ông B chuyển quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng khoán cây trồng và bảo vệ rừng cho anh L.

Phản tranh chấp giữa Công ty với ông Triệu Ngọc T có tổng diện tích 3ha tại lô g1, g2 khoảnh 8 (theo thiết kế trồng rừng năm 2017) thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ 02 xã T đã được UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ

cho Công ty Lâm nghiệp Y ngày 08/4/2015 (cấp theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Năm 2016, anh Triệu Ngọc L làm đơn đề nghị Công ty cho khai thác 03 lô rừng và thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2017 theo quy định của Công ty.

Tháng 3/2017, Công ty thanh lý các Hợp đồng và giải quyết quyền lợi của anh L theo Dự án 327/661 và Công ty đã chuyển đổi sang mô hình trồng rừng sản xuất. Phần đất tranh chấp được thiết kế thành 2 lô gồm lô g1 và lô g2 đều ở khoảnh 8 đã được Công ty và anh L ký 02 Hợp đồng thuê khoán trồng rừng cụ thể là:

- + Hợp đồng giao nhận khoán công đoạn trồng rừng sản xuất 1,5ha tại lô g2, khoảnh 8 (trước đây là khoảnh 2), thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 15/4/2017 đến hết ngày 15/5/2017.

- + Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh số 42/17/HĐGKT.Th đối với 1,5ha rừng tại lô g1 khoảnh 8.

Theo các Hợp đồng, Công ty đầu tư giống, phân bón, hỗ trợ bảo vệ, hướng dẫn kỹ thuật còn anh L phải trồng cây và chăm sóc. Để đầu tư phân bón và cây giống, Công ty đã giao cho anh L số tiền là 4.280.000 đồng, nhưng sau khi nhận tiền của Công ty thì anh L đã không trồng cây, không thực hiện theo nội dung của Hợp đồng, mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở anh L nhưng anh L vẫn không thực hiện. Ngày 19/7/2017, ông Triệu Ngọc T là bố của anh L đã thuê khoảng 40 người đến lô g2 tự ý phát thực bì, quốc hồ và đem cây keo của mình đến để trồng vào phần diện tích đất nói trên. Công ty đã có Đơn đề nghị UBND xã T, Công an xã T giải quyết. Công an xã T và cán bộ của Công ty đã trực tiếp đến hiện trường để giải thích vận động và yêu cầu ông T và những người có liên quan dừng việc cuốc hồ trồng cây, nhưng ông T vẫn không chấp hành mà vẫn tiếp tục thực hiện việc trồng cây trong phần 1,5 ha đất tại lô g2 của Công ty. Ngày 20/7/2017, công nhân của Công ty đã mang cây đến trồng tại lô g1. Khi công nhân mới trồng được khoảng 250 cây keo trên một phần diện tích đất 1,5ha của lô g1 thì bị ông T và rất nhiều người khác đến ngăn cản, đe dọa và không cho công nhân trồng cây nữa. Khi đó Công an xã T đã đến hiện trường và có Quyết định yêu cầu mọi người giữ nguyên hiện trạng, nhưng sáng ngày 21/7/2017, ông T và một số người khác vẫn tiếp tục trồng thuê cây keo trên phần diện tích đất còn lại của lô g1.

Do anh L đã cố tình không thực hiện theo các nội dung của 2 Hợp đồng mà anh L đã ký với Công ty lâm nghiệp. Anh L còn để ông Triệu Ngọc T là bố đẻ của anh L lấn chiếm đất trái phép của Công ty nên ngày 17/8/2017 và ngày 11/9/2017, Công ty đã có văn bản hủy bỏ đối với Hợp đồng mà Công ty đã ký với anh L.

Nay, Công ty yêu cầu ông Triệu Ngọc T di dời toàn bộ số cây đã trồng trên phần đất có diện tích 3 ha thuộc hai lô g1 và g2 khoảnh 8 - Đội lâm nghiệp Tiến Thắng để trả lại toàn bộ phần diện tích đất nói trên cho Công ty Lâm nghiệp Y.

Tại đơn khởi kiện bổ sung Công ty đề nghị anh Triệu Ngọc L chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh số 42/17/HĐGKT.Th, ngày 11/2/2017; Công ty buộc anh L phải hoàn trả Công ty số tiền 4.280.000 đồng mà Công ty đã đầu tư cho anh L.

**Bị đơn là anh Triệu Ngọc L trình bày:** Nguồn gốc của phần đất đang tranh chấp có diện tích là 3ha (30.000m<sup>2</sup>) là của hộ gia đình ông Lăng Văn B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ bìa xanh) từ năm 1993. Trong các năm 1995, 1996, 1997 ông B và Công ty đã ký Hợp đồng trồng rừng phòng hộ đầu nguồn theo Dự án 327/661 đối với phần diện tích đất lâm nghiệp mà ông B đã được cấp Sổ bìa xanh. Năm 2011, ông B đã chuyển nhượng phần đất có diện tích là 3ha (30.000m<sup>2</sup>) cho anh. Được sự đồng ý của Công ty, anh được tiếp tục thực hiện 3 Hợp đồng trồng rừng phòng hộ đầu nguồn trên phần diện tích lâm nghiệp này thay ông B. Ngày 21/9/2012, Công ty đã làm hồ sơ chuyển nhượng Hợp đồng rừng phòng hộ đầu nguồn từ ông Lăng Văn B sang tên anh là Triệu Ngọc L với các lô C+D+Đ đều ở khoảnh 2, thôn Rừng Chiềng, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ngày 14/3/2017, anh đã đề nghị Công ty cho anh khai thác cây trên đất. Để được khai thác cây, Công ty đã ép buộc anh phải ký với Công ty các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất. Theo Hợp đồng thì anh sẽ nhận phân, cây giống được quy thành tiền mặt và khi khai thác cây thì phải nộp 15% sản phẩm rừng phòng hộ cho Công ty. Sau khi anh được Công ty thanh lý Hợp đồng nhận khoán, anh mới biết là ngày 27/01/2015 Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất mà anh đang sử dụng, trong khi phần đất này ông B đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trong thời hạn là 30 năm tính từ năm 1993 và ông B đã chuyển nhượng đất này cho anh. Hơn nữa, theo Hợp đồng bảo vệ số 02/97-10/HĐK mà ông B đã ký với Công ty thì thời hạn thực hiện Hợp đồng là 50 năm, đến năm 2047 mới hết thời hạn thực hiện Hợp đồng.

**Đồng bị đơn là ông Triệu Ngọc T trình bày:** Ông Lăng Văn B đã được UBND huyện Y cấp Sổ bìa xanh đối với gồm 03 lô đất tranh chấp thuộc tiểu khu Tiến Thắng (thượng nguồn đập hồ si). Phần đất này đã được ông B ký Hợp đồng trồng rừng phòng hộ đầu nguồn theo Dự án 327 trong thời hạn 50 năm với Lâm trường Y cụ thể là:

Lô C, khoảnh 2 có diện tích 1ha, cây keo và cây thông được trồng năm 1995;

Lô D, khoảnh 2 có diện tích 1ha, cây được trồng năm 1996;

Lô Đ, khoảnh 2 có diện tích 1ha, cây được trồng năm 1996;

Năm 2011, anh L con trai của ông đã nhận chuyển nhượng 03 lô đất lâm nghiệp của ông B. Tháng 2/2017, Công ty Lâm nghiệp cho ông biết là phần diện tích đất này thuộc Giấy chứng nhận QSDĐ của Công ty theo Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang. Công ty đã ép gia đình ông phải chặt cây keo, cây muồng để trả lại đất cho Công ty. Công ty còn ép anh L ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất với Công ty trước khi cho bố con ông chặt cây. Sau đó ông đã tự trồng cây và thuê người trồng được khoảng 6000 cây keo trên phần đất này. Công ty còn mang 250 cây keo đến trồng trên phần diện tích đất của ông. Khi 2 bên xảy ra tranh chấp, Công an xã T đã đến lập biên bản. Sau này 250 cây keo của Công ty đã bị chết hết. Từ năm 2017 đến nay ông là người chăm sóc và bảo vệ cây. Phần đất tranh chấp đã được UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty theo Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang. Nhưng ngày 25/12/2018 UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND có nội dung: Thu hồi và hủy Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 nên Giấy chứng nhận QSDĐ của Công ty là không có giá trị.

Nay, Công ty yêu cầu khởi kiện đề nghị ông trả lại đất cho Công ty thì ông không đồng ý vì phần diện tích đất này thì ông Lăng Văn B đã được cấp Sổ bìa xanh và ông B đã chuyển nhượng đất này cho bố con ông. Hơn nữa, thời hạn theo Hợp đồng trồng rừng phòng hộ vẫn còn, hiện nay Sổ bìa xanh đã bị Công ty lâm nghiệp thu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**UBND tỉnh Bắc Giang do ông Ngô Văn X là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày:** Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Th, trong quá trình hoạt động mặc dù Công ty đã trải qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý, tổ chức, nhưng việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y đối với diện tích đất được UBND tỉnh Bắc Giang giao vẫn diễn ra liên tục từ trước đến nay, cụ thể:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập Lâm trường Hoàng Hoa Th (trên cơ sở hợp nhất Hạt Lâm nghiệp Y và Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ) trong đó Ủy ban đã giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 745/CT về việc giao đất cho Lâm trường Quốc doanh Y để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi

núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha). Ngày 07/9/1995, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm trường Y, trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha. Ngày 26/6/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1330/CT, theo đó tổng số diện tích đất mà Lâm trường được quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn {bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha); đất phi nông nghiệp 11,3ha}. diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha.

Ngày 06/12/2006, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Y thành Công ty Lâm nghiệp Y được thuê đất trong thời hạn 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất mà Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích đất mà Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha. Ngày 08/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Y là 811,5ha để bàn giao cho địa phương quản lý. Công ty được quản lý phần diện tích đất còn lại là 2.485,5ha.

Ngày 08/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi 811,5ha đất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Y để bàn giao cho địa phương quản lý; Công ty được quản lý phần diện tích đất còn lại là 2.485,5ha. Trong đó phần đất đang có tranh chấp với ông Triệu Ngọc T có tổng diện tích 3ha tại lô g1, g2 khoảnh 8 (theo thiết kế trồng rừng năm 2017) thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ 02 xã T là nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của Công ty Lâm nghiệp Y do UBND tỉnh Bắc Giang đã cấp ngày 08/4/2015 (cấp theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang).

**UBND xã T do ông Nguyễn Duy Ch là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày:** Về nguồn gốc đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lâm trường Y do được Lâm trường Y đã được UBND tỉnh Bắc Giang giao từ năm 1963. Phần diện tích đất tranh chấp giữa Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y với ông Triệu Ngọc T và anh Triệu Ngọc L chỉ thuộc thẩm quyền quản lý địa giới hành chính của xã T, nhưng UBND xã T không có thẩm quyền quản lý về hoạt động trồng rừng sản xuất của Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y.

**UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày:** Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Thám, Lâm trường Y, Công ty Lâm nghiệp Y. Trong quá trình hoạt động mặc dù trải qua nhiều lần sắp xếp, đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động nhưng việc quản lý sử dụng đất của Công ty đối với diện tích đất được giao

vẫn diễn ra thường xuyên, liên tục và được thể hiện trong các hồ sơ quản lý, sử dụng đất (như các QĐ của UBND tỉnh về giao đất, phê duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty và hệ thống bản đồ, hồ sơ thiết kế trồng rừng, Hợp đồng giao khoán của Công ty với các hộ gia đình, cá nhân...). Phần diện tích đất tranh chấp giữa Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y với ông Triệu Ngọc T và anh Triệu Ngọc L đã được UBND tỉnh Hà Bắc sau là UBND tỉnh Bắc Giang giao cho Công ty quản lý sử dụng đất qua các thời kỳ. Công ty và các hộ dân đã giao kết Hợp đồng giao khoán trồng rừng. Nay, các bên có xảy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Bà Nông Thị H trình bày:** Bà là vợ ông Triệu Ngọc T, về nguồn gốc diện tích 3ha rừng phòng hộ đầu nguồn thuộc thượng nguồn Hồ S, Thôn Rừng Ch xã T là của gia đình bà. Do gia đình bà đã nhận chuyển nhượng đất từ ông Lăng Văn B từ năm 2011. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay, gia đình bà sử dụng đất ổn định. Sau khi khai thác cây, ông T đã thuê người trồng cây trên diện tích đất trên, bà xác định toàn bộ 3ha đất và cây trên đất là tài sản riêng ông T, việc mua bán đất giữa ông T, anh L với ông B thì bà có biết nhưng bà không tham gia. Nay, Công ty yêu cầu ông T di dời toàn bộ cây để trả lại đất cho Công ty thì bà không đồng ý.

**Chị Đỗ Thị G** là vợ của anh L đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng không có lời khai và không đến Tòa án làm việc.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS –ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai; Điều 500, Điều 501; Điều 483; Điều 492; Điều 493, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 2, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng giao khoán 42/17/HĐGKT.Th, ngày 11/2/2017 giữa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y và anh Triệu Ngọc L, anh Triệu Ngọc L phải hoàn trả lại Công ty số tiền 4.280.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng); buộc ông Triệu Ngọc T phải khai thác toàn bộ cây keo trồng trái phép trên đất tại lô g1, lô g2 khoảnh 8, tiểu khu 12a, thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 02 bản đồ lâm nghiệp xã T để trả lại đất cho Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y.

Lô g1 có diện tích 15.000m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc tiếp giáp lô g2 chiều dài 161,1m; phía Nam giáp đất Công ty chiều dài 20,7m+48,7m+52,8m; phía Đông

giáp đường lâm nghiệp chiều dài 83,5m + 22,9m; phía Tây giáp đất của Công ty lâm nghiệp chiều dài 90,3m + 24,6m.

Lô g2 có diện tích 15.000m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc giáp đất Công ty có chiều dài 21,1m + 101,3m + 12,7m; phía Tây Bắc giáp đất Công ty có chiều dài 32,5m; phía Nam tiếp giáp lô g1 có chiều dài 161,1m; phía Đông giáp đường lâm nghiệp chiều dài 21,2m + 38,0m + 12,4m + 30,6m; phía Tây giáp đất Công ty Lâm nghiệp chiều dài 104m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2021, anh Triệu Ngọc L và ông Triệu Ngọc T nộp đơn kháng cáo;

Tại phiên tòa, Nguyên đơn là Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y không rút đơn khởi kiện. Bị đơn là anh Triệu Ngọc L vắng mặt không có lý do. Ông Triệu Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Công ty Lâm nghiệp do ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Công ty không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Triệu Ngọc T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

**Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh L; áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Ngọc T giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y (Công ty) yêu cầu ông Triệu Ngọc T di dời toàn bộ cây mà đã trồng trên phần đất có diện tích 3 ha thuộc hai lô g1 và g2 khoảnh 8- Đội lâm nghiệp Tiến Thắng để trả lại phần đất trên cho Công ty Lâm nghiệp Y.

Công ty yêu cầu chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh số 42/17/HĐGKT.Th mà Công ty và anh Triệu Ngọc L đã giao kết ngày 11/2/2017; buộc anh L phải trả cho Công ty số tiền 4.280.000 đồng



mà Công ty đã giao cho anh L trong quá trình Công ty đầu tư cây giống, phân bón theo Hợp đồng.

Bị đơn là ông Triệu Ngọc T và anh Triệu Ngọc L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Sau khi xét xử, anh L và ông T đã kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Về tố tụng dân sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ 2 lần, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên được coi là anh L đã từ bỏ kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3, Điều 296, khoản 2, Điều 312 của BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T về việc không đồng ý trả lại đất cho Công ty, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y có tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Thám, trong quá trình hoạt động mặc dù đã trải qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý, tổ chức nhưng việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và kinh doanh của Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y đối với diện tích đất được UBND tỉnh Bắc Giang giao vẫn diễn ra liên tục từ trước đến nay, cụ thể:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập Lâm trường Hoàng Hoa Thám (trên cơ sở hợp nhất Hạt Lâm nghiệp Y và Xí nghiệp Lâm nghiệp Đồng Tiến) trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành quyết định số 745/CT về việc giao đất cho Lâm trường Quốc doanh Y để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha). Ngày 07/9/1995, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm trường Y trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha. Ngày 26/6/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1330/CT, theo đó tổng số diện tích đất mà Lâm trường được quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn {bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ

1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha); đất phi nông nghiệp 11,3ha}. diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha.

Ngày 06/12/2006, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Y thành Công ty Lâm nghiệp Y được thuê đất trong thời hạn 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất mà mà Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích đất mà Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha. Ngày 08/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Y là 811,5ha để bàn giao cho địa phương quản lý. Công ty được quản lý phần diện tích đất còn lại là 2.485,5ha.

Ngày 08/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi 811,5ha đất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Y để bàn giao cho địa phương quản lý; Công ty được quản lý phần diện tích đất còn lại là 2.485,5ha.

Thực hiện Công văn số 4043/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 01/11/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định cấm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh giới đất nông, lâm trường quốc doanh. Kết quả đo đạc xác định Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y đang thực tế quản lý, sử dụng 2.341ha.

Phần tranh chấp giữa Công ty với ông Triệu Ngọc T có tổng diện tích 3ha tại lô g1, g2 khoảnh 8 (theo thiết kế trồng rừng năm 2017) thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ 02 xã T đã được UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty Lâm nghiệp Y ngày 08/4/2015 (cấp theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Nay, Công ty yêu cầu khởi kiện đề nghị ông trả lại đất cho Công ty thì ông T không đồng ý. Ông T cho rằng Quyết định số 35/2015/UBND của UBND tỉnh Bắc Giang đã bị hủy nên Giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty Lâm nghiệp Y không còn giá trị. Phần diện tích đất tranh chấp này là của ông T do ông Lăng Văn B đã được Nhà nước cấp Sổ bìa xanh và ông B đã chuyển nhượng đất này cho ông T; theo Hợp đồng mà ông B đã ký kết với Công ty thì thời hạn trồng rừng phòng hộ vẫn còn, hiện nay Sổ bìa xanh đã bị Công ty lâm nghiệp thu giữ nên ông B không thể cung cấp cho Tòa án được.

+ Về việc ông T cho rằng phần diện tích đất tranh chấp này đã được Nhà nước cấp Sổ bìa xanh cho ông B thì thấy:

Mặc dù ông T có cung cấp được Biên bản lời khai ngày 19/11/2018 của bà Dương Thị H1 là Giám đốc Lâm trường Y từ năm 1993-1999 có nội dung: “Sau khi nhận Công văn số 206/UB ngày 18/5/1996 của UBND huyện Y, Lâm trường Y có thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ lâm nghiệp (hay còn gọi là Sổ bìa xanh) Ban giám

đốc Lâm trường ban hành kế hoạch thu hồi và công văn triển khai xuống các đội để thực hiện thu hồi Sổ bìa xanh. Khi thu hồi Sổ bìa xanh của các hộ dân thì thay bằng các Hợp đồng kinh tế trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng với Lâm trường theo Nghị định số 01 năm 1995 của Chính phủ.. khi các đội để thực hiện thu hồi Sổ bìa xanh thì nộp lại cho Lâm trường do Phòng kỹ thuật quản lý”, (BL 244).

Nhưng, ông T không thể cung cấp cho Tòa án được Sổ bìa xanh đối với phần đất tranh chấp cho Tòa án. Mặc dù Giám đốc Lâm trường là bà H1 có thừa nhận Công ty có thu hồi một số Sổ bìa xanh của một số hộ gia đình nhưng không rõ những hộ gia đình nào bị Lâm trường thu hồi Sổ bìa xanh? (Hiện nay Công ty cũng không có tài liệu lưu trữ về việc thu hồi Sổ bìa xanh này để cung cấp cho Tòa án).

Giả sử ông B là người được cấp Sổ bìa xanh đối với phần đất tranh chấp này, nhưng theo Kết luận thanh tra số 4067 ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang cũng đã nêu: “Việc UBND huyện Y cấp Sổ lâm bạ cho một số hộ dân là trái quy định của pháp luật”, (BL 367). Như vậy, Sổ lâm bạ (Sổ bìa xanh) của các hộ gia đình cũng là không hợp pháp theo quy định của pháp luật.

+ Về việc ông T cho rằng Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang đã bị hủy nên Giấy chứng nhận QSDĐ của Công ty là không có giá trị, phần diện tích đất tranh chấp này là của ông T thì thấy:

Phần tranh chấp giữa Công ty với ông Triệu Ngọc T có tổng diện tích 3ha tại lô g1, g2 khoảnh 8 (theo thiết kế trồng rừng năm 2017) thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ 02 xã T đã được UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty Lâm nghiệp Y ngày 08/4/2015 (cấp theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Về tính hợp pháp của Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang (BL 247) đã được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cụ thể như sau:

Một số người dân của huyện Y đã khởi kiện vụ án hành chính sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị hủy Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, người bị kiện là UBND tỉnh Bắc Giang.

Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm. Trước khi Tòa án xét xử vụ án, ngày 25/12/2018 UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND có nội dung: Thu hồi và hủy Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 và Công ty được tiếp tục sử dụng đất, rừng theo Phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 28/12/2016...lập hồ sơ thuê đất, thuê rừng theo quy định hiện hành”, (BL 248).

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã bác yêu cầu đề nghị hủy Quyết định số 35/2015/UBND ngày 27/01/2015 của những người khởi kiện.

Sau khi xét xử, các đương sự trong vụ án đã kháng cáo, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 248/2019/HC-PT ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm đã xử.

Như vậy, theo điểm b, khoản 1, Điều 92 BLTTDS quy định thì Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có hiệu lực pháp luật là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

+ Về tính hợp pháp của Quyết định số 840/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang (BL 248) đã được giải quyết tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 46/2019/QĐST của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cụ thể như sau:

Không đồng ý với Quyết định số 840/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, ông T và một số người dân khác của huyện Y đã khởi kiện vụ án hành chính sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, đề nghị hủy Quyết định số 840/2015/UBND của UBND tỉnh Bắc Giang. Ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm. Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 46/2019/QĐST.

Không đồng ý với Quyết định trên, ông T và một số người dân khác đã kháng cáo. Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội số 189/2020/QĐ-PT đã không chấp nhận kháng cáo của ông T và một số người dân khác, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 46/2019/QĐST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, (BL 258).

Như vậy, theo điểm b, khoản 1, Điều 92 BLTTDS quy định thì Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 46/2019/QĐST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (đã có hiệu lực pháp luật) là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù UBND tỉnh Bắc Giang có Quyết định thu hồi và hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang. Nhưng theo Quyết định số 840/2015/UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang thì Công ty vẫn có quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do ông T tự ý trồng cây trên phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của Công ty, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông T phải di dời toàn bộ số cây trồng để trả lại đất cho Công ty là đúng pháp luật. Kháng cáo của ông T về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T không đồng ý chấm dứt Hợp đồng số 42/17/HĐGKT.Th, ngày 11/2/2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quá trình sử dụng phần đất tranh chấp: Thực hiện dự án 327/661, từ năm 1995 đến năm 1997, Công ty và ông Lăng Văn B đã giao kết 03 Hợp đồng bảo vệ có nội dung: Ông Lăng Văn B có nhiệm vụ bảo vệ cây rừng cho Công ty cụ thể: Năm 1995, Hợp đồng bảo vệ số 65/HĐK đối với lô c, khoảnh 2 (nay là khoảnh 8); Năm 1996, Hợp đồng bảo vệ số: 12/133/HĐK đối với lô d, khoảnh 2; Năm 1997, Hợp đồng bảo vệ số: 02/97-10/HĐK đối với lô đ, khoảnh 2, (BL 26, 30, 131).

Ngày 10/01/2011, ông B làm đơn đề nghị Công ty chuyển quyền bảo vệ rừng phòng hộ cho ông Triệu Ngọc T, (BL 25);

Ngày 21/9/2012, Công ty; ông Lăng Văn B; anh Triệu Ngọc L lập Biên bản làm việc có nội dung ông B chuyển quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng khoán cây trồng và bảo vệ rừng cho anh L, (BL 23).

Năm 2016, anh L làm đơn đến Công ty đề nghị được khai thác 03 lô đất rừng của Công ty để hưởng lợi theo quy định và thực hiện kế hoạch trồng rừng của Công ty năm 2017.

Ngày 10/02/2017, anh L có đơn đề nghị nhận khoán trồng rừng sản xuất. Ngày 11/02/2017, anh L và Công ty ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng sản xuất theo chu kì kinh doanh số 42/17/HĐGK T.Th tại lô g1, khoảnh 8 đội Tiến Thắng diện tích 1,5ha trong thời hạn 08 năm (kể từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2025), (BL 78).

Ngày 23/3/2017, Công ty và anh L giao kết Hợp đồng thuê khoán trồng rừng sản xuất đối với lô g2 có nội dung: Anh L phát đốt, dọn thực bì, cuốc hố, vận chuyển phân bón, và bón phân, đào đều phân và cuốc hố, vận chuyển cây giống và trồng cây trong thời gian: Ngày bắt đầu là ngày 15/4/2017; ngày hoàn thành là 15/7/2017, (BL 06).

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với Hợp đồng thuê khoán trồng rừng sản xuất đối với lô g2 giữa anh L và Công ty giao kết ngày 23/03/2017. Thời hạn thực hiện Hợp đồng trong thời hạn là 1 năm. Đến nay là đã hết thời hạn thực hiện Hợp đồng. Phía Công ty không có yêu cầu gì đối với Hợp đồng này nên Tòa án không xem xét.

Đối với Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng số: 42/17/HĐGKT.Th, thời hạn thực hiện Hợp đồng từ ngày 11/2/2017, đến ngày 01/7/2025. Mặc dù đến ngày 01/7/2025 mới hết hạn thời hạn của Hợp đồng, nhưng sau khi ký Hợp đồng, anh L

đã vi phạm nội dung của Hợp đồng cụ thể là: Anh L không trồng rừng mà để bỏ để anh L là ông Triệu Ngọc T trồng cây trên lô g1 mà không được Công ty đồng ý. Ngày 08/9/2017, Công ty đã có Thông báo số 167/TB-CTLN có nội dung: Thông báo cho anh L biết về việc Công ty hủy bỏ Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh đối với anh L. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 42/17/HĐGKT.Th, ngày 11/2/2017 đối với anh L là có căn cứ. Kháng cáo của ông T về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, theo Hợp đồng này thì anh L là người tham gia giao kết Hợp đồng với Công ty mà không phải là ông T nên ông T cũng không có quyền lợi, nghĩa vụ đối với Hợp đồng nói trên.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí DSPT: Ông T đã trên 60 tuổi, theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì ông T được miễn án phí.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

+ Áp dụng khoản 3, Điều 296, khoản 2, Điều 312 BLTTDS Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh L. Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm liên quan tới anh L tại phần: “Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng giao khoán 42/17/HĐGKT.Th, ngày 11/2/2017 giữa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y và anh Triệu Ngọc L; anh Triệu Ngọc L phải hoàn trả lại Công ty số tiền 4.280.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)” và phần án phí: “Anh Triệu Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm” là có hiệu lực pháp luật.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Ngọc T giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

+ Án phí DSPT: Ông Triệu Ngọc T không phải nộp tiền tạm ứng án phí DSPT:

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi gửi:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Đã ký**

**Phạm Thị Minh Hiền**